| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÀM THUẬN BẮC**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Văn Hơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thông Văn Đá

2. Ông Nguyễn Anh Trí

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc,tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2019, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2019, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn***:* Ông Phạm Minh T, sinh năm 1977.

**- Bị đơn:** Bà K'Thị C, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự đều có mặt tại phiên toà.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2019, cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Minh T trình bày:* Ông và bà K' Thị C tự nguyện tìm hiểu cưới nhau năm 1999 và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng bắt đầu từ năm 2016, do ông đi làm xa nên tình cảm vợ chồng dạn nứt, thường xuyên cải vả, chửi bới nhau do tính cách không hợp nhau.mâu thuẫn chủ yếu là trong sinh hoạt gia đình. Ông và bà C đã ly thân hơn hai năm nay không ai quan tâm tới ai. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà C.

- Về con chung: Ông và bà C có hai người con chung tên Phạm K’ K, sinh ngày 24/12/1999 và Phạm K’ N, sinh ngày 28/9/2009. Sau khi ly hô, người con đầu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết, người con Phạm K’ N ông yêu cầu bà C trực tiếp nuôi, ông không cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà C.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà K’ Thị C trình bày:* Bà và ông T cưới nhau năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Tới năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do hai người không cùng quan điểm sống, không thông cảm và chia sẻ cho nhau, thường xuyên cải vả làm cho cuộc sống luôn căng thẳng. Bà và ông T đã sống ly thân hơn hai năm nay không ai quan tâm tới ai. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T xin được ly hôn với bà, bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có hai người con chung tên Phạm K’ K, sinh ngày 24/12/1999 và Phạm K’ N, sinh ngày 28/9/2009. Sau khi ly hôn, người con đầu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết, người con Phạm K’ N ông T yêu cầu bà  trực tiếp nuôi, ông không cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà C. Bà đồng ý trực tiếp nuôi cháu Phạm K’ N, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Phạm Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn bà K’ Thị C.Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn bà K’ Thị C có địa chỉ tại thôn Thôn B, xã Đ, huyện Hàm Thuận Bắc, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Phạm Minh T và bà K’Thị C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn, Tại đơn xin xác nhận của ông T yêu cầu UBND xã Đ xác nhận thể hiện ông T và bà Chấu chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì đây không phải là hôn nhân hợp pháp nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận ông T và bà C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà C và ông T có hai người con chung tên Phạm K’ K, sinh ngày 24/12/1999 và Phạm K’ N, sinh ngày 28/9/2009. Sau khi ly hôn, người

con đầu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết, người con Phạm K' N hiện đang ở với bà C và theo nguyện vọng của cháu N là được ở với bà C sau khi cha mẹ ly hôn, ông T yêu cầu bà trực tiếp nuôi, ông không cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà C. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Phạm K' N, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bà. Vì vậy, nghĩ nên giao cháu N cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà C không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Bà C và ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Ông T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Ông Phạm Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Bà K' Thị C không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Không công nhận Phạm Minh T và bà K' Thị C là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Phạm K' N, sinh ngày 28/9/2009 cho bà K' Thị C trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà K' Thị C.

Bà C và ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Ông T có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Ông Phạm Minh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0026452 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. Ông Phạm Minh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bà K’ Thị C không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/4/2019).

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
-Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
-Các đương sự;
-UBND xã Đông Giang
-Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Văn Hơn**